

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ - ST

Ngày 24/4/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Muôn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: H’ Mi Chan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-ST ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981

HKTT: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ái V, sinh năm 1984.

HKTT: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Hẻm Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ái V là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và về chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng đến ngày 16 tháng 10 năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, quá trình sống

chung có 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 hiện đang sinh sống cùng bà V. Sau khi cưới nhau về chưa có nhà riêng nên vợ chồng ông H, bà V ở nhà thuê, trên địa bàn thành phố B nhưng không nhớ rõ địa chỉ, đến năm 2009 thì vợ chồng về xây nhà và sinh sống tại hẻm Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với việc đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là từ tháng 10/2017, đây là nhà bố mẹ vợ ông H nhưng ông H, bà V không sinh sống tại đây.

Sau khi lấy nhau về vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, đến khi con gái đầu được 6 tháng tuổi thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà V vay tiền gây nhiều nợ nần cho gia đình, bà V làm ăn bên ngoài nợ nần nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự thống nhất, ông H khuyên bảo nhưng bà V không nghe, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng là từ tháng 9/2018 và vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay.

Nay ông H xác định trong cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông H đồng ý giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng/02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Phạm Thị Ái V trình bày có nội dung như sau:

Bà V và ông H là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và về chung sống từ năm 2002, đến ngày 16 tháng 10 năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, sau khi cưới nhau về thì vợ chồng chưa có nhà riêng nên ở nhà thuê trên địa bàn thành phố B, đến năm 2009 thì vợ chồng về xây nhà và sinh sống tại hẻm Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay.

Trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ có thể giải quyết được, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do bà V vay tiền làm ăn bên ngoài, làm ăn dẫn đến thua lỗ. Tuy nhiên, việc này đã được giải quyết xong, không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng thì không yêu cầu cơ quan, các tổ chức của chính quyền địa phương hòa giải. Nay ông H làm đơn xin ly hôn thì bà V mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Nếu ông H cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà V có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi thành niên và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/02 con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà V đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông H được ly hôn bà V.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Ái V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Ái V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 16 tháng 10 năm 2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ đầu năm 2019 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan

điểm, lối sống, cũng như vấn đề kinh tế của gia đình, thiếu sự bàn bạc, thống nhất, không tìm được tiếng nói chung và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn bà V. Bà Phạm Thị Ái V xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn là do việc bà vay mượn tiền làm ăn bên ngoài dẫn đến thua lỗ việc này không được sự đồng ý của ông H nên vợ chồng xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, con cái đang ăn học nên bà không đồng ý ly hôn, mà chỉ đồng ý ly thân. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết ông H, bà V có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng hay không, thì không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Vì vậy, chính quyền địa phương không nắm được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà V đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hòa giải để cải thiện cuộc sống vợ chồng mà mong muốn vợ chồng tiếp tục ly thân, để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự, cũng như quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng, để ổn định tâm lý cũng như tạo mọi điều kiện cho con chung phát triển Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 mỗi tháng là 1.500.000 đồng và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cho đến khi các con chung Nguyễn Phạm Bảo N, Nguyễn Phạm Bảo D đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà V không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do ông Đỗ Đức T nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0011692 ngày 08/01/2019.

Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H xin ly hôn bà Phạm Thị Ái V.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn bà Phạm Thị Ái V.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 cho bà Phạm Thị Ái V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 21/10/2003 mỗi tháng là 1.500.000 đồng và Nguyễn Phạm Bảo D, sinh ngày 19/3/2011 mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cho đến khi các con chung Nguyễn Phạm Bảo N, Nguyễn Phạm Bảo D đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do ông Đỗ Đức T nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0011692 ngày 08/01/2019.

Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường Tân Lập, TP. BMT
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh